

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ GIANG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/TTYT-TCHC
Về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở y tế
xanh – sạch – đẹp năm 2024-2025

Giang Thành, ngày 10 tháng 4 năm 2025

Kính gửi:

- Phòng Tổ chức – Hành chính;
 - Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;
 - Khoa Kiểm soát bệnh tật – HIV/AIDS;
- (Gọi chung là các đơn vị)

Thực hiện Kế hoạch số 77/KH-SYT ngày 04/4/2025 của Sở Y tế Kiên Giang kiểm tra, đánh giá cơ sở y tế xanh – sạch – đẹp năm 2024-2025.

Trung tâm Y tế yêu cầu các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

1. Rà soát lại kết quả báo cáo kết quả thực hiện cơ sở y tế xanh – sạch – đẹp năm 2024, điều chỉnh, thay đổi (nếu có) gửi về đ/c Nhân, Phòng Tổ chức – hành chính. Thời gian chậm nhất ngày 14/4/2025 (có đính kèm báo cáo).

2. Chuẩn bị tài liệu minh chứng cho việc kiểm tra, đánh giá: photo tất cả tài liệu minh chứng để vào một sơ mi theo từng tiêu chí của từng nội dung kiểm tra. Việc chuẩn bị phải hoàn thành trước ngày 18/4/2025.

3. Phân công viên chức phụ trách liên quan tiêu chí làm việc với các thành viên của đoàn kiểm tra.

Nhận được công văn đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai, thực hiện. Các đơn vị tự chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về kết quả chấm điểm và thành phần hồ sơ minh chứng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ttytgiangthanh.gov.vn;
- Lưu.VT,ptbnnhan.

GIÁM ĐỐC



Hồ Hữu Phước

Số: 2115/BC-TTYT

Giang Thành, ngày 23 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO THỰC HIỆN CƠ SỞ Y TẾ XANH - SẠCH - ĐẸP

I. THÔNG TIN HÀNH CHÍNH

- a. Tên cơ sở y tế: Trung tâm Y tế huyện Giang Thành
- b. Địa chỉ: Ấp Giồng Kè, Xã Phú Lợi, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.
- c. Họ và tên người đứng đầu cơ sở y tế: Hồ Hữu Phước
- d. Điện thoại liên hệ: 02973768015
- e. Người chịu trách nhiệm báo cáo:
- Họ và tên: Phùng Thị Bé Nhân
 - Chức vụ: Nhân viên
 - Điện thoại: 0378557464
 - Địa chỉ Email: phungthibenhngat@gmail.com

II. TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. TỔNG SỐ ĐIỂM ĐẠT:	42,8/100 ĐIỂM
2. ĐẠT LOẠI	☐ Xuất sắc
	☐ Tốt
	☐ Khá
	☒ TB
	☐ Kém

STT	THÀNH PHẦN VÀ SỐ LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ	Điểm đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí	Mức đạt của tiêu chí/nhóm tiêu chí
A	XANH (2)	3/10	1TC M1; 1TC M2
A1.	CSYT thực hiện trồng cây xanh (1)	1/5	A1: M1
A2.	CSYT sử dụng năng lượng xanh (1)	2/5	A2: M2
B	SẠCH (24)	35,9/80	5TC M1; 5TC M2; 5TC M3; 7TC M4; 1TC M5
B1.	Nước sạch (2)	5/10	B1.1: M2 B1.2: M3

B2.	Nhà vệ sinh (8)	11/20	B2.1: M1 B2.2: M1 B2.3: M4 B2.4: M5 B2.5: M4 B2.6: M4 B2.7: M3 B2.8: M3
B3.	Quản lý chất thải (1 1)	14,4/40	B3.1: M4 B3.2: M4 B3.3: M3 B3.4: M4 B3.5: M1 B3.6: M1 B3.7: M1 B3.8: M2 B3.9: M3 B3.10: M2 B3.11: M2
B4.	Vệ sinh môi trường (3)	5,5/10	B4.1: M3 B4.2: M4 B4.3: M2
C	ĐẸP (6)	3,9/10	1TC M; 1TC M2; 3TC M3
C1.	Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, đẹp, dễ quan sát (1)	0,8/1	M4
C2.	Khuôn viên CSYT trang trí đẹp(1)	0	M1
C3.	Khu sảnh chờ, phòng chờ trang trí đẹp (1)	1/2	M3
C4.	Khoa/phòng/buồng bệnh trang trí đẹp (1)	1/2	M3
C5.	Khu vực gửi xe bố trí gọn gàng, đẹp (1)	0,5/2	M2
C6.	Trang phục đẹp (1)	0,6/1	M3

STT	THÀNH PHẦN, TÊN TIÊU CHÍ, NHÓM TIÊU CHÍ		Điểm tối đa	Điểm tự chấm
	PHẦN A. XANH (2)		10	3
1	A1	Cây xanh	5	1
2	A2	Năng lượng xanh	5	2
	PHẦN B. SẠCH (24)		80	
	B1. NƯỚC SẠCH (2)		10	5
3	B1.1	Có đủ nước sinh hoạt, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5	2
4	B1.2	Có đủ nước uống trực tiếp, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5	3
	B2. NHÀ VỆ SINH (8)		20	11
5	B2.1	Số lượng NVS tại khoa khám bệnh	2	0

6	B2.2	Số lượng NVS tại khoa/phòng điều trị, xét nghiệm	2	0
7	B2.3	Điều kiện chung NVS	4	3
8	B2.4	Sàn nhà vệ sinh	2	2
9	B2.5	Tường, trần nhà vệ sinh	2	1,5
10	B2.6	Thiết bị vệ sinh: chậu rửa, xí tiêu, vòi nước	2	1,5
11	B2.7	Các vật dụng trong nhà vệ sinh	4	2
12	B2.8	Thực hiện vệ sinh và kiểm tra, giám sát NVS	2	1
B3. QUẢN LÝ CHẤT THẢI (10)			40	14,4
13	B3.1	CSYT thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định	5	1,5
14	B3.2	CSYT thực hiện thu gom chất thải y tế đúng quy định về:	2	1,5
15	B3.3	CSYT có khu lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên theo quy định	2	1
16	B3.4	CSYT thực hiện chuyển giao chất thải y tế đúng quy định	4	4
17	B3.5	CSYT thực hiện xử lý chất thải rắn y tế đúng quy định	4	0,5
18	B3.6	CSYT quản lý chất thải tái chế đúng quy định	2	0,5
19	B3.7	CSYT quản lý nước thải y tế đúng quy định	7	0
20	B3.8	CSYT thực hiện Kế hoạch Phòng ngừa, UPSCMT do chất thải y tế	3	1
21	B3.9	CSYT thực hiện quan trắc môi trường y tế đúng quy định	5	3
22	B3.10	Người thu gom, xử lý chất thải y tế được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động	1	0,4
23	B3.11	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải y tế	5	2
B4. VỆ SINH MÔI TRƯỜNG (3)			10	5,5
24	B4.1	Sân, vườn, khuôn viên	3	2
25	B4.2	Hành lang, lối đi, sảnh chờ	2	1,5
26	B4.3	Trong các khoa/ phòng/buồng bệnh	5	2
PHẦN C. ĐẸP (6)			10	3,9
27	C1	Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, dễ quan sát	1	0,8
28	C2	Cảnh quan CSYT hài hòa, thân thiện môi trường	2	0
29	C3	Khu sảnh chờ, phòng chờ	2	1
30	C4	Khoa/phòng/buồng bệnh gọn gàng	2	1
31	C5	Khu vực gửi xe	2	0,5
32	C6	Trang phục NVYT, NB, NNNB	1	0,6

(Kèm theo bảng đánh giá chấm điểm từng Tiêu chí/Nhóm tiêu chí)

III. ĐÁNH GIÁ ƯU, NHƯỢC ĐIỂM

1. Ưu điểm:

- **Công tác triển khai:** Hàng năm đều kiện toàn Ban Chỉ đạo, phân công phân nhiệm cụ thể cho các thành viên. Xây dựng kế hoạch thực hiện xây dựng cơ sở y tế Xanh Sạch Đẹp và Lãnh đạo các Khoa, Phòng, Trạm Y tế luôn quan tâm đến công tác triển khai xây dựng cơ sở y tế Xanh Sạch Đẹp.

- **Nội dung Xanh:** Đơn vị ban hành quy định thực hiện tiết kiệm điện, sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện. Sử dụng thiết bị điều hòa tiết kiệm điện. Đồng thời chăm sóc cây kiểng xung quanh đơn vị.

- **Nội dung Sạch:**

+ Có đủ nước sinh hoạt, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày. Có đủ nước uống trực tiếp, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày. Nhà vệ sinh luôn được quan tâm vệ sinh sạch sẽ....; Có Nhà vệ sinh riêng cho NB và nhân viên y tế và nam nữ riêng. Tần suất dọn vệ sinh tối thiểu ngày 2 lần và khi cần.

+ Thực hiện tốt theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021.

- **Nội dung Đẹp:** Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, dễ quan sát có biển tên đơn vị, các khoa/phòng, nhà vệ sinh, có góc truyền thông để các tài liệu truyền thông về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch; có ti vi để cung cấp thông tin cho NB, NNNB; có cây xanh, chậu hoa, cây cảnh.

Khoa/phòng/buồng bệnh gọn gàng. Có khu vực riêng để xe cho cán bộ y tế và người nhà người bệnh, có kệ vách và sắp xếp gọn gàng, có mái che, có điện chiếu sáng vào ban đêm, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ. Nhân viên y tế đeo biển tên và mặc đồng phục sạch đẹp.

2. Nhược điểm:

- **Nội dung Xanh:** Tỷ lệ diện tích trồng cây xanh, công viên còn hạn chế do diện tích đơn vị chật hẹp. Chưa triển khai được sử dụng thiết bị cảm ứng, năng lượng tự nhiên.

- **Nội dung Sạch:** Chưa bố trí được nhà vệ sinh cho người khuyết tật, một số khoa chưa có nhà vệ sinh riêng cho mỗi buồng bệnh do đơn vị chật hẹp, xuống cấp. Chưa có bình nóng lạnh/thiết bị làm khô tay ở nhà vệ sinh. Khu lưu giữ chất thải chưa bố trí churan đảm bảo theo quy định.

- **Nội dung Đẹp:** Chưa trang bị biển tên đơn vị, khoa phòng, biển chỉ dẫn bằng bảng điện tử.

IV. ĐÁNH GIÁ NGUYÊN NHÂN, TỒN TẠI

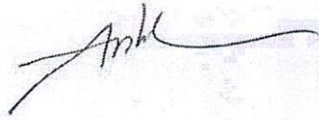
1. **Nguyên nhân Khách quan:** Có những tiêu chí đòi hỏi cần có kinh phí để thực hiện nhưng nguồn kinh phí đơn vị hạn chế, cơ sở vật chất, trang thiết bị đơn vị xuống cấp, chật hẹp.

2. **Nguyên nhân Chủ quan:** Một số nhân viên y tế thiếu ý thức, trách nhiệm trong việc chấp hành các qui định về thực hiện các tiêu chí xanh sạch đẹp.

V. GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH, THỜI GIAN KHẮC PHỤC

Tiếp tục duy trì các kết quả, ưu điểm đã đạt được. Tập trung nguồn lực khắc phục các hạn chế, nhược điểm.

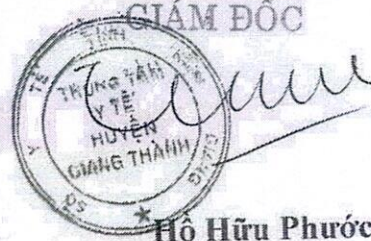
NGƯỜI BÁO CÁO



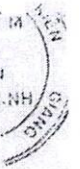
Phùng Thị Bé Nhân

Giang Thành., Ngày 23 tháng 12 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Hồ Hữu Phước



CẤU TRÚC BỘ TIÊU CHÍ VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Công văn số 2410/TTYT-TCHC ngày 18 tháng 12 năm 2024)

STT	THÀNH PHẦN, TÊN TIÊU CHÍ, NHÓM TIÊU CHÍ		Điểm tối đa	Điểm chấm	Đạt mức	Đơn vị thực hiện
	PHẦN A. XANH (2)		10			
1	A1	Cây xanh	5			Phòng Tổ chức – Hành chính
2	A2	Năng lượng xanh	5			Phòng Tổ chức – Hành chính
	PHẦN B. SẠCH (24)		80			
	B1. NƯỚC SẠCH (2)		10			
3	B1.1	Có đủ nước sinh hoạt, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5			- Phòng Tổ chức – Hành chính chủ trì - Khoa KSBT-HIV/AIDS phối hợp
4	B1.2	Có đủ nước uống trực tiếp, đảm bảo chất lượng, liên tục 24h/ngày	5			- Phòng Tổ chức – Hành chính chủ trì - Khoa YTCC (khoa KSBT-HIV/AIDS)
	B2. NHÀ VỆ SINH (8)		20			
5	B2.1	Số lượng NVS tại khoa khám bệnh	2			Phòng Tổ chức – Hành chính
6	B2.2	Số lượng NVS tại khoa/phòng điều trị, xét nghiệm	2			Phòng Tổ chức – Hành chính
7	B2.3	Điều kiện chung NVS	4			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn chủ trì - Phòng TCHC Phối hợp
8	B2.4	Sàn nhà vệ sinh	2			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn chủ trì - Phòng TCHC Phối hợp
9	B2.5	Tường, trần nhà vệ sinh	2			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn chủ trì - Phòng TCHC Phối hợp
10	B2.6	Thiết bị vệ sinh: chậu rửa, xí tiểu, vòi nước	2			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn chủ trì - Phòng TCHC Phối hợp

11	B2.7	Các vật dụng trong nhà vệ sinh	4			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
12	B2.8	Thực hiện vệ sinh và kiểm tra, giám sát NVS	2			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
B3. QUẢN LÝ CHẤT THẢI (10)			40			
13	B3.1	CSYT thực hiện phân loại chất thải y tế đúng quy định	5			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
14	B3.2	CSYT thực hiện thu gom chất thải y tế đúng quy định về:	2			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
15	B3.3	CSYT có khu lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên theo quy định	2			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
16	B3.4	CSYT thực hiện chuyển giao chất thải y tế đúng quy định	4			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
17	B3.5	CSYT thực hiện xử lý chất thải rắn y tế đúng quy định	4			- Phòng Tổ chức – Hành chính
18	B3.6	CSYT quản lý chất thải tái chế đúng quy định	2			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
19	B3.7	CSYT quản lý nước thải y tế đúng quy định	7			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
20	B3.8	CSYT thực hiện Kế hoạch Phòng ngừa, UPSCMT do chất thải y tế	3			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
21	B3.9	CSYT thực hiện quan trắc môi trường y tế đúng quy định	5			Khoa YTCC (Khoa KSBT-HIV/AIDS)
22	B3.10	Người thu gom, xử lý chất thải y tế được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động	1			Phòng Tổ chức – Hành chính
23	B3.11	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải y tế	5			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
B4. VỆ SINH MÔI TRƯỜNG (3)			10			
24	B4.1	Sân, vườn, khuôn viên	3			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
25	B4.2	Hành lang, lối đi, sảnh chờ	2			- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
26	B4.3	Trong các khoa/ phòng/buồng bệnh	5			- Khoa KSNK chủ trì - Phòng TCHC phối hợp
PHẦN C. ĐẸP (6)			10			
27	C1	Biển hiệu, biển tên, biển chỉ dẫn rõ ràng, dễ quan sát	1			- Phòng Tổ chức – Hành chính
28	C2	Cảnh quan CSYT hài hòa, thân thiện môi trường	2			- Phòng Tổ chức – Hành chính

29	C3	Khu sảnh chờ, phòng chờ	2			- Phòng Tổ chức – Hành chính chủ trì - Phòng DS-TTGD SK phối hợp
30	C4	Khoa/phòng/buồng bệnh gọn gàng	2			Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
31	C5	Khu vực gửi xe	2			- Phòng Tổ chức – Hành chính
32	C6	Trang phục NVYT, NB, NNNB	1			- Phòng Tổ chức – Hành chính

